



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
Tầng 4, Toà nhà H3, 384 Hoàng Diệu - Q.4 - Tp.Hồ Chí Minh

MẪU SỐ B 02-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÍ 2 NĂM 2009

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Th minh	Quý báo cáo		Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	322,181,232,209	219,931,102,998	623,248,753,556	391,054,775,802
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2,111,429	386,730	2,111,429	386,730
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		322,179,120,780	219,930,716,268	623,246,642,127	391,054,389,072
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	340,616,796,260	185,278,305,018	626,894,845,503	324,980,257,144
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(18,437,675,480)	34,652,411,250	(3,648,203,376)	66,074,131,928
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	24,509,719,763	36,748,145,255	83,635,460,392	47,990,070,840
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	30,229,479,033	22,468,766,601	61,675,683,269	40,408,560,494
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		22,333,388,416	21,755,678,351	52,484,424,514	36,746,499,708
8. Chi phí bán hàng	24		1,078,178,680	306,953,450	1,942,827,113	619,954,355
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22,164,446,381	16,145,446,994	38,754,008,857	28,237,940,017
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:	30		(47,400,059,811)	32,479,389,460	(22,385,262,223)	44,797,747,902
11. Thu nhập khác	31		673,972,361	4,059,610	1,420,306,202	5,728,987
12. Chi phí khác	32		91,039,301	-	121,747,502	600,000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		582,933,060	4,059,610	1,298,558,700	5,128,987
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(46,817,126,751)	32,483,449,070	(21,086,703,523)	44,802,876,889
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	115,917,013	9,261,435,692	6,113,032,428	13,034,830,139
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(46,933,043,764)	23,222,013,378	(27,199,735,951)	31,768,046,750
Trong đó: Cổ đông thiểu số	61		(11,936,943,869)	7,852,422,791	(1,869,945,927)	8,739,354,334
Cổ đông Công ty mẹ	62		(34,996,099,895)	15,369,590,587	(25,329,790,024)	23,028,692,416
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(237)	213	(172)	320

Lập, Ngày 24 tháng 7 Năm 2009

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC







Đoàn Đình Hiếu

Nguyễn Thị Kim Anh

Tạ Đức Tiến